TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 929/2024/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 02 tháng 12 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 749/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con" gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Ông Trương Dũng T, năm sinh 1986; Địa chỉ thường trú: Số 16/12 đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số 71/142/2A đường N, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự: Bà Nguyễn Thị Minh N, năm sinh 1988; Địa chỉ thường trú: Số 16/12 đường B, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh; Địa chỉ liên hệ: Số 71/142/2A đường N, Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Người yêu cầu giải quyết việc dân sự ông Trương Dũng T và bà Nguyễn Thị Minh N có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Đây là yêu cầu về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, ông T và bà N hiện cư trú tại quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại khoản 2 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì yêu cầu giải quyết việc dân sự của ông T và bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 11/2010 ngày 01 tháng 3 năm 2010 do Ủy ban nhân dân Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cấp thể hiện ông T và bà N là vợ chồng hợp pháp. Ngày 14 tháng 10 năm 2024, ông T và bà N có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết yêu cầu thuận tình ly hôn. Tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 22 tháng 11 năm 2024, ông T và bà N cùng thỏa thuận:

- Về quan hệ hôn nhân: Thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Trương Đăng K, ngày sinh 03 tháng 10 năm 2010 và Trương Bảo N1, ngày sinh 09 tháng 12 năm 2016. Ly hôn hai bên thỏa thuận, bà N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và việc cấp dưỡng nuôi con do hai bên tự thỏa thuận thực hiện với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông T và bà N xác nhận không có.

[3] Áp dụng vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình thì việc thuận tình ly hôn của ông T và bà N là tự nguyện, phù hợp theo quy định pháp luật nên được Tòa án công nhận.

[4] Về lệ phí: Ông T và bà N cùng chịu 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa ông Trương Dũng T và bà Nguyễn Thị Minh N.

- Về con chung: Giao con chung tên Trương Đăng K, ngày sinh 03 tháng 10 năm 2010 và Trương Bảo N1, ngày sinh 09 tháng 12 năm 2016 cho bà Nguyễn Thị Minh N trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoàn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho ông Trương Dũng T do bà Nguyễn Thị Minh N không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc cá nhân tổ chức theo qui định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

2. Về lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Ông Trương Dũng T và bà Nguyễn Thị Minh N cùng 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng và được cấn trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí do ông T và bà N đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ

phí Tòa án số 0002610 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông T và bà N đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Ủy ban nhân dân Phường C, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo giấy chứng nhận kết hôn số 11/2010 ngày 01/3/2010);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Võ Tuấn Nhu